

TỈNH ỦY CAO BẰNG
TRƯỜNG CT HOÀNG ĐÌNH GIONG

*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Cao Bằng, ngày 29 tháng 7 năm 2026

ĐIỂM BÀI THU HOẠCH

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 34

Môn: Phần F.I - Nghiên cứu thực tế

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
1	Nông Thị Vân Anh	8,50	Tám phẩy năm	32	Hứa Văn Lập	8,50	Tám phẩy năm
2	Hoàng Thị Hoài Anh	8,50	Tám phẩy năm	33	Nông Thùy Linh	8,75	Tám phẩy bảy năm
3	Hoàng Văn Biên	8,75	Tám phẩy bảy năm	34	Nguyễn Thị Linh	8,50	Tám phẩy năm
4	Triệu Thị Bình	9,00	Chín	35	Lương Quang Linh	8,75	Tám phẩy bảy năm
5	Nông Văn Chấn	8,50	Tám phẩy năm	36	Nguyễn Thùy Mai	8,50	Tám phẩy năm
6	Tô Quỳnh Châu	8,75	Tám phẩy bảy năm	37	Lý Thị Ngọc Mai	8,75	Tám phẩy bảy năm
7	Nguyễn Đình Chiến	9,00	Chín	38	Phạm Đại Nam	9,00	Chín
8	Nông Văn Đạt	8,50	Tám phẩy năm	39	Linh Thị Ngà	8,50	Tám phẩy năm
9	Trần Thùy Dương	8,50	Tám phẩy năm	40	Nông Đình Nghĩa	8,75	Tám phẩy bảy năm
10	Ngân Bích Duyên	8,75	Tám phẩy bảy năm	41	Bùi Thị Hồng Ngọc	8,75	Tám phẩy bảy năm
11	Ngân Thế Duyệt	9,00	Chín	42	Nông Thị Hồng Ngọc	9,00	Chín
12	Lãnh Ngọc Hiên	9,00	Chín	43	Đào Ánh Nguyệt	9,00	Chín
13	Lê Thị Hiền	8,50	Tám phẩy năm	44	Vi Thị Nhung	8,50	Tám phẩy năm
14	Triệu Quang Hiệp	8,50	Tám phẩy năm	45	Hoàng Thị Hồng Nhung	8,50	Tám phẩy năm
15	Nông Thị Hiệu	8,75	Tám phẩy bảy năm	46	Vi Minh Quang	8,50	Tám phẩy năm
16	Nông Trịnh Hồ	8,50	Tám phẩy năm	47	Tô Thị Quyên	8,50	Tám phẩy năm
17	Hà Mộng Hoa	8,75	Tám phẩy bảy năm	48	Đinh Văn Tập	8,75	Tám phẩy bảy năm
18	Lương Văn Hợi	8,50	Tám phẩy năm	49	Nguyễn Hữu Thắng	8,50	Tám phẩy năm
19	Nông Thị Thúy Hồng	9,00	Chín	50	Long Văn Thành	9,00	Chín
20	Đàm Thị Thu Huế	9,00	Chín	51	Đàm Hải Thao	8,50	Tám phẩy năm
21	Vũ Thu Hương	9,00	Chín	52	Nông Thị Minh Thu	8,50	Tám phẩy năm
22	Nông Thu Hương	8,50	Tám phẩy năm	53	Đặng Thanh Thùy	9,00	Chín
23	Đinh Thị Huyền	8,50	Tám phẩy năm	54	Đàm Thị Thủy	8,50	Tám phẩy năm

ĐKT

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
24	Đàm Thị Huyền	8,75	Tám phẩy bảy năm	55	Lê Thanh Thủy	8,50	Tám phẩy năm
25	Ma Thị Huyền	8,75	Tám phẩy bảy năm	56	Đàm Thanh Tình	8,50	Tám phẩy năm
26	Cao Thanh Kiều	9,00	Chín	57	Thang Thành Trung	8,50	Tám phẩy năm
27	Lục Hồng Kỳ	9,00	Chín	58	Nguyễn Minh Tuấn	8,75	Tám phẩy bảy năm
28	Phùng Thị Hồng Lan	8,50	Tám phẩy năm	59	Phạm Minh Tuấn	9,00	Chín
29	Thân Thị Lan	8,50	Tám phẩy năm	60	Lưu Đức Tùng	8,50	Tám phẩy năm
30	Lâm Thị Lan	8,50	Tám phẩy năm	61	Trần Văn Việt	8,50	Tám phẩy năm
31	Nguyễn Thị Hoàng Lan	8,50	Tám phẩy năm	62	Nguyễn Thị Xuân	8,50	Tám phẩy năm

GHI ĐIỂM



Đoàn Thị Kim Liên

**PHÒNG QLĐT, BD VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**



Trương Thị Phương

**K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Hoàng Việt Hưng